

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ HẬU CẦN HOÀNG MINH PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ HẬU CẦN HOÀNG MINH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502304889

**3. Ngày thành lập:** 13/04/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 112/1 Đô Lương, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương bằng tàu thủy, xà lan; Vận tải xăng, dầu bằng tàu thủy, xà lan.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5012        |
| 2.  | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa cảng biển; Bốc xếp hàng hóa cảng sông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5224        |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>+ Dịch vụ cung ứng tàu biển: Cung cấp cho tàu biển lương thực, thực phẩm, nước ngọt, vật tư, thiết bị, nhiên liệu, dầu nhớt, vật tư chèn, lót, ngăn cách hàng;<br>+ Đại lý làm thủ tục hải quan; dịch vụ giao nhận hàng hóa; đại lý vận tải hàng hóa; môi giới thuê tàu biển. Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển.<br>+ Dịch vụ vệ sinh tàu biển: thu gom và xử lý rác thải, dầu thải, chất thải khác từ tàu biển khi tàu neo, đậu tại cảng | 5229        |
| 4.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Mua bán xăng, dầu và các sản phẩm của chúng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4661(Chính) |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Mua bán ngư lưới cụ; Mua bán nước đá; Mua bán phân bón; Mua bán phân bón hữu cơ;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4669        |
| 6.  | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3811        |
| 7.  | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3812        |
| 8.  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3821        |
| 9.  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3822        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                              |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 10. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                                                                                  | 3900                                                         |
| 11. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa                                                                                                                                                             | 4610                                                         |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị ngành công nghiệp, dầu khí, hàng hải; Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ hệ thống điện;                                                     | 4659                                                         |
| 13. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Mua bán xăng, dầu và các sản phẩm của chúng                                                                                                                  | 4773                                                         |
| 14. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải rác bằng ô tô; Vận tải hàng hóa bằng ô tô; Vận tải xăng, dầu bằng xe bồn                                                                                                       | 4933                                                         |
| 15. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe bồn                                                                                                                                                                                | 7710                                                         |
| 16. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: cho thuê tàu thủy, xà lan                                                                                                                                         | 7730                                                         |
| 17. | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác<br>Chi tiết: Vệ sinh nhà cửa, vệ sinh kho hàng, bồn bể chứa và các công trình khác                                                                                                          | 8129                                                         |
| 18. | (Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 15.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRINH VĂN PHƯỚC | Số 64 Nguyễn Huệ, Phường 1, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam                | 3.000.000.000         | 20,000    | 320407667                                                                                                                                         |         |
| 2   | NGUYỄN NGỌC ÁNH | Số 30/72 Đỗ Nhuận, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam      | 3.000.000.000         | 20,000    | 023741822                                                                                                                                         |         |

|   |                     |                                                                                                                 |               |        |           |  |
|---|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|-----------|--|
| 3 | TRẦN<br>QUỐC VIỆT   | Số 50/19 Trương<br>Phước Phan, Phường<br>Bình Trị Đông, Quận<br>Bình Tân, Thành phố<br>Hồ Chí Minh, Việt<br>Nam | 3.000.000.000 | 20,000 | 025296081 |  |
| 4 | NGUYỄN<br>ĐÌNH THÁI | Số 67/18 Bắc Sơn,<br>Phường 11, Thành<br>phố Vũng Tàu, Tỉnh<br>Bà Rịa - Vũng Tàu,<br>Việt Nam                   | 3.000.000.000 | 20,000 | 273283471 |  |
| 5 | ĐINH CÔNG<br>HOÀNG  | Khu 4, Thị trấn Yên<br>Định, Huyện Hải<br>Hậu, Tỉnh Nam Định,<br>Việt Nam                                       | 3.000.000.000 | 20,000 | 162834796 |  |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HÀ VĂN QUỐC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/10/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 273708225

Ngày cấp: 11/08/2015

Nơi cấp: Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: C4 tầng 12A C/Cư PVC-IC, Số 242 Nguyễn Hữu  
Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: C4 tầng 12A C/Cư PVC-IC, Số 242 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng  
Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu